TÒA ÁN NHÂN DÂN H. PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Trương Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9 /2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/5/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé K trình bày như sau:

Chị và anh Trần L có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2006, tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trước khi kết hôn chị và anh L có sự tự nguyện tìm hiểu nhau 02 tháng. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 06 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh L hay uống rượu về nhà chửi bới đánh đập chị K, cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau. Từ tháng 05/2017, chị và anh L sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Chị K không còn tình cảm với anh L, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 06/4/2009; Trần Quốc C, sinh ngày 23/8/2014. Nay chị K xin nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu B cho anh L trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị K đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Hai bản sao giấy khai sinh mang họ và tên Trần Quốc B, Trần Quốc C; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Bé K.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần L biết việc chị Nguyễn Thị Bé K xin ly hôn anh nhưng trong thời hạn luật định anh L không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lượm đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2018, Ủy ban nhân dân xã L cho biết, Ủy ban nhân dân xã đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh L (gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng anh L không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên tại nhà anh L và trụ sở Ủy ban nhân dân xã L. Do anh Trần L vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2018, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh Trần L vắng mặt không có lý do nên nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 09/10/2018, đồng thời niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh L vẫn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không rõ lý do làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé K và anh Trần L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa chị K và anh L Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình sống chung, giữa chị K và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể là giữa hai người thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, chị K và anh L đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé K.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện nay cháu Trần Quốc B đang ở với anh L, cháu C đang ở với chị K; Quá trình làm việc tại Tòa án thì cháu B cũng có nguyện vọng ở với bố nên giao cháu B cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé K và anh Trần L không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé K. Chị Khanh được ly hôn anh Trần L.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trần Quốc B, sinh ngày 06/4/2009 cho anh Trần L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Quốc C, sinh ngày 23/8/2014 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bé K, anh Trần L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị Bé K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ chị Khanh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001733, ngày 11/5/2018 tại Chị cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị K đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN SANG